

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu
Thuê đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát địa hình, địa chất - Lập báo cáo nghiên
cứu khả thi - Thiết kế cơ sở dự án thủy điện Na Phát**

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ V thông qua ngày 23/06/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/20224/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 03/07/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế đấu thầu và phân cấp thực hiện đấu thầu, trong đầu tư dự án, mua sắm hàng hóa và thanh lý tài sản của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn (sửa đổi);

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Quy định chức năng nhiệm vụ các phòng ban và bộ phận trực thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn;

Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-CT-KTKH ngày 02/7/2025 của Tổng giám đốc Công ty về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thuê đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát địa hình, địa chất - Lập báo cáo nghiên cứu khả thi - Thiết kế cơ sở dự án thủy điện Na Phát;

Xét Tờ trình ngày 04/7/2025 của phòng Kinh tế Kế hoạch về việc trình duyệt E-HSMT gói thầu thuê đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát địa hình, địa chất - Lập báo cáo nghiên cứu khả thi - Thiết kế cơ sở dự án thủy điện Na Phát;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT gói thầu thuê đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát địa hình, địa chất - Lập báo cáo nghiên cứu khả thi - Thiết kế cơ sở dự án thủy điện Na Phát với các nội dung chính như sau:

- + Địa điểm phát hành E-HSMT: Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- + Thời gian phát hành E-HSMT: Ngày 07/7/2025;
- + Thời điểm đóng thầu: 09^h00 ngày 28/7/2025;

+ Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 90 ngày.

(Có E-HSMT kèm theo)

Điều 2. Giao cho Tổ chuyên gia đấu thầu và phòng Kinh tế Kế hoạch tiến hành các thủ tục phát hành E-HSMT tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Ông Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch, Trưởng các bộ phận và các Tổ đấu thầu có liên quan trong Công ty căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Tổ chuyên gia đấu thầu (t/h);
- Lưu: TCHC, KTKH.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

KHI TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

E-HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số thông báo mời thầu (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):

Thuê đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát địa hình, địa chất - Lập báo cáo nghiên cứu khả thi - Thiết kế cơ sở dự án thủy điện Na Phát.

Dự toán (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):

Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Mẹ - Nhà máy thủy điện Cần Đơn.

Phát hành ngày (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):

Số 229/QĐ-CT-KTKH ngày 07 tháng 7 năm 2025.



MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ vào các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSĐT.

Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin vào các mẫu để lập E-HSMT, E-HSĐT của mình.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL .
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSĐT hoặc rút E-HSĐT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSĐT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn

088
NG T
PH
Y Đ
I Đ
7.21

việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

g) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của

	<p>Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;



	<p>e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước</p>

ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSĐT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.

7.3. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **E-BDL**. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho bên mời thầu. Nội dung trao đổi giữa Bên mời thầu và nhà thầu phải được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSĐT của nhà thầu.

7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.

7.5. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.

7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSĐT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

8. Chi phí dự thầu

E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí

	nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC: 10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; 10.2. E-HSĐXTC bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 12 E-CDNT. 10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL .
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Giá dự thầu và giảm giá	12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí. 12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL .
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

<p>14. Đề xuất kỹ thuật</p>	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSMT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSMT</p>	<p>15.1. E-HSMT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSMT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSMT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSMT thì E-HSMT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSMT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSMT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>16. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSMT</p>	<p>17.1. Nộp E-HSMT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSMT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSMT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSMT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSMT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSMT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSMT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSMT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSMT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSMT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p>



	<p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>18. Mở E-HSDXKT</p>	<p>18.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSDXKT và công khai biên bản mở E-HSDXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSDXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSDXKT</p>	<p>19.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSDXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong

đơn dự thầu đối với các nội dung:

+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;

+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu được Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSĐT.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSĐT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.

- Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm.

- Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform và trong tài liệu đính kèm. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSĐT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 và Mục 21 E-CDNT.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu

68106
CÔNG
PH
Y Đ
N Đ
T. BÌNH

đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT.

- Nhà thầu có E-HSĐXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSĐXTC để đánh giá.

- Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống.

19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSĐXKT:

Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSĐT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSĐT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.

20. Mở E-HSĐXTC

20.1. E-HSĐXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được Bên mời thầu tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.

20.2. Biên bản mở E-HSĐXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT;
- Tên gói thầu;
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời điểm hoàn thành mở thầu;

b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSĐXTC:

- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu;
- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);
- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (*Hệ thống tự động tính toán giá*

	<p><i>dự thầu sau giảm giá)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
21. Đánh giá E-HSĐXTC và xếp hạng nhà thầu	<p>21.1. Đánh giá E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSĐT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSĐT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSĐT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay</p>



đổi giá dự thầu.

23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.

23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.

23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.

23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.

23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.

23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.

24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian

24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.

24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.

<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSĐT.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng,</p>



	<p>chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>26.5. Chủ đầu tư, bên mời thầu không được chấp thuận cho nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, Bên mời thầu chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử.</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa</p>

vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

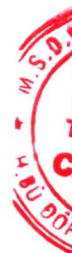
27.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Trong trường hợp này, Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.

27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá E-HSĐT;
- b) E-HSĐT và các tài liệu làm rõ E-HSĐT (nếu có) của nhà thầu;
- c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần "Mô tả dịch vụ" của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;
- b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;
- c) Tiến độ;
- d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);
- đ) Bố trí điều kiện làm việc;
- e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế



hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;

g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng.

27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.

27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.

**28. Điều kiện
xét duyệt
trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;

28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;

28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;

28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại **E-BDL**.

<p>29. Hủy thầu</p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT; c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông tin về gói thầu: <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng.

N: 38
 CƠ
 CỐ
 THỦY
 AN
 2.7.81

	<p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>31. Tùy chọn mua thêm</p>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư thỏa thuận với nhà thầu mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 19 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng;

	<p>đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);</p> <p>e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để các Chủ đầu tư, Bên mời thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
<p>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>34.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
<p>35. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>

010
 NG
 PHÁ
 DIỆ
 ĐỒ
 VH P

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Thuê đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát địa hình, địa chất - Lập báo cáo nghiên cứu khả thi - Thiết kế cơ sở dự án thủy điện Na Phát.</p> <p>Tên dự toán mua sắm: Thuê đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát địa hình, địa chất - Lập báo cáo nghiên cứu khả thi - Thiết kế cơ sở dự án thủy điện Na Phát.</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Mẹ - Nhà máy thủy điện Cần Đơn.
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn, trừ trường hợp: (i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên.- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Tư vấn lập E-HSMT: ___[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];+ Tư vấn thẩm định E-HSMT: ___[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];+ Tư vấn đánh giá E-HSDT: ___[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: ___[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];+ Tư vấn kiểm định, giám sát thực hiện hợp đồng: ___[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: ___[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];

	<p>+ Tư vấn khác: <u> </u> [tùy theo tính chất tư vấn của gói thầu này để quy định về bảo đảm cạnh tranh cho phù hợp quy định tại Điều 6 của Luật Đấu thầu. Ví dụ: gói thầu tư vấn này là tư vấn giám sát cho một gói thầu xây lắp thì cần quy định nhà thầu tham dự thầu phải độc lập với nhà thầu xây lắp].</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, Bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSĐT: <u> </u> <i>Hệ thống tự trích xuất theo quy định hiện hành]</i>
E-CDNT 10.3	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSĐT các tài liệu sau đây:

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

3 TY
HÀN
DIỆN
ĐỒ
BÌNH

	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép đăng ký kinh doanh của nhà thầu. - Tài liệu Báo cáo tài chính 3 năm (2022,2023,2024), Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu - Năng lực và kinh nghiệm của nhân sự tham gia gói thầu: Hợp đồng lao động, bản cam kết thoả thuận của nhân sự với nhà thầu, Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ https://muasamcong.mpi.gov.vn - Bằng tốt nghiệp; căn cước công dân; chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực, các tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự đã tham gia công trình (có xác nhận của chủ đầu tư hoặc tương đương), Các tài liệu để chứng minh loại, cấp của công trình đã thực hiện và các tài liệu có liên quan khác - Đối với hợp đồng tương tự và kinh nghiệm thực hiện: Hợp đồng, giá trị thực hiện, biên bản nghiệm thu/ Biên bản thanh lý hợp đồng/ Giấy xác nhận của Chủ đầu tư; tài liệu chứng minh cấp và loại công trình hoặc các tài liệu khác tương đương. - Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng khảo sát địa hình, khảo sát địa chất hạng III, các lĩnh vực Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Nhà thầu phải phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A Chương IV.
E-CDNT 14.3	Nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn 45 ngày
E-CDNT 15.1	Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: ≥ 60 ngày [trích xuất từ E-TBMT], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 19.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: phương pháp dựa trên kỹ thuật.
E-CDNT 21.2	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có điểm kỹ thuật cao nhất được xếp thứ nhất.
E-CDNT 26.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu
E-CDNT 28.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp

	phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng)"
E-CDNT 31	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng.
E-CDNT 33.2	Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
E-CDNT 34.2	- Người có thẩm quyền: Tổng giám đốc Công ty + Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước; + E-mail: daothanh.ktkh@gmail.com. - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn: + Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước; + E-mail: daothanh.ktkh@gmail.com.
E-CDNT 35	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: _____ [ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu của gói thầu/dự án (nếu có)].

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT¹;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

- Giấy phép đăng ký kinh doanh của nhà thầu.

- Tài liệu Báo cáo tài chính 3 năm (2022,2023,2024), Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu

- Năng lực và kinh nghiệm của nhân sự tham gia gói thầu: Hợp đồng lao động, bản cam kết thỏa thuận của nhân sự với nhà thầu, Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

- Bằng tốt nghiệp; căn cước công dân; chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực, các

¹ Nhà thầu là đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được thành lập theo quy định của pháp luật khi tham dự thầu phải đáp ứng các điều kiện nêu tại Mục 5 E-CDNT

tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự đã tham gia công trình (có xác nhận của chủ đầu tư hoặc tương đương), Các tài liệu để chứng minh loại, cấp của công trình đã thực hiện và các tài liệu có liên quan khác

- Đối với hợp đồng tương tự và kinh nghiệm thực hiện: Hợp đồng, giá trị thực hiện, biên bản nghiệm thu/ Biên bản thanh lý hợp đồng/ Giấy xác nhận của Chủ đầu tư; tài liệu chứng minh cấp và loại công trình hoặc các tài liệu khác tương đương.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng khảo sát địa hình, khảo sát địa chất hạng III, các lĩnh vực Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu có E-HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSĐT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	<p>Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)</p> <p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tài liệu chứng minh các Hợp đồng có tính chất tương tự bao gồm: Hợp đồng; Quyết định phê duyệt; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc; Biên bản thanh lý hợp đồng; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Hóa đơn VAT; Xác nhận của Chủ đầu tư/cơ quan có thẩm quyền dự án đã phát điện trước thời điểm đóng thầu. + Máy móc thiết bị phục vụ gói thầu; + Thực hiện nghĩa vụ nộp, kê khai thuế. 	11		09
1.1	<p><i>Từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm đóng thầu đã thực hiện gói thầu có tính chất tương tự (Gói thầu có tính chất tương tự là: Gói thầu tư vấn khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thiết kế công trình thủy điện cấp III trở lên. Trường hợp nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải có hợp đồng tương tự với phần công việc đảm nhận trong liên danh</i></p>	09	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành từ 04 gói thầu trở lên: 09 điểm. - Hoàn thành 03 gói thầu: 08 điểm - Hoàn thành 02 gói thầu: 07 điểm - Hoàn thành 01 gói thầu trở xuống: 0 điểm 	07
1.2	<p>Nhà thầu đáp ứng đầy đủ máy móc, thiết bị để thực</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp danh mục vật tư, máy móc, thiết 	02

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>Ghi chú: Cơ sở đánh giá số điểm phần này dựa trên cam kết hoặc kê khai của nhà thầu và các thông tin về việc tham dự thầu của nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; các tài liệu xác minh, làm rõ (nếu có) trong quá trình đánh giá E-HSDXKT. Đối với nhà thầu Liên danh: Số điểm của liên danh lấy theo số điểm của thành viên thấp nhất</p>			
3	<p>Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)</p>	33		23
3.1	<p><i>Hiểu rõ mục đích gói thầu: Nhà thầu có trình bày đầy đủ các nội dung đã nêu trong "Điều khoản tham chiếu", bao gồm đầy đủ về phạm vi, quy mô của dự án, mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của gói thầu, trách nhiệm của nhà thầu đã nêu trong điều khoản tham chiếu, có định hướng xây dựng nội dung thực hiện gói thầu</i></p>	04	<p>- Trình bày hiểu biết chi tiết đầy đủ các nội dung thể hiện mục tiêu, nhiệm vụ của gói thầu: 04 điểm; Trình bày hiểu biết chi tiết tương đối đầy đủ các nội dung thể hiện mục tiêu, nhiệm vụ của gói thầu: 0,1 ÷ 3,9 điểm - Không Trình bày chi tiết các nội dung thể hiện mục tiêu, nhiệm vụ của gói thầu: 00 điểm</p>	03
3.2	<p><i>Cách tiếp cận và phương pháp luận: Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc phải được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có</i></p>	10	<p>- Đi thực tế hiện trường (có biên bản khảo sát hiện trường có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc chủ đầu tư), trình bày đầy đủ, chi tiết, hợp lý, có đầy đủ rõ ràng các hạng mục chính công trình: 10</p>	05

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án (kèm theo bố trí nhân sự, thiết bị, tiến độ thực hiện của mỗi hạng mục) gồm: giải pháp khảo sát địa hình, giải pháp thiết kế, lập dự toán. Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án</p>		<p>điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày tương đối đầy đủ, chi tiết, hợp lý, có tương đối đầy đủ các hạng mục chính công trình: 0,1 ÷ 9,9 - Không có hoặc có trình bày nhưng không đầy đủ, sai nội dung, không hợp lý: 00 điểm 	
3.3	<p>Sáng kiến cải tiến: Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án</p>	08	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất > 3 sáng kiến cải tiến hợp lý, phù hợp về phương án tuyển và sơ đồ khai thác để tăng hiệu quả dự án (chứng minh bằng bản vẽ, thuyết minh, giá thành, hiệu quả của từng sáng kiến): 08 điểm - Đề xuất 1-3 sáng kiến cải tiến hợp lý, phù hợp về phương án tuyển và sơ đồ khai thác để tăng hiệu quả dự án (chứng minh bằng bản vẽ, thuyết minh, giá thành, hiệu quả của từng sáng kiến): 0,1 ÷ 7,9 điểm - Không có đề xuất sáng kiến: 00 điểm 	05
3.4	<p>Cách trình bày</p>	01	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khoa học, hợp lý, dễ theo dõi: 01 điểm - Trình bày hoàn chỉnh nhưng chưa khoa học: 0,1 ÷ 1,9 điểm - Trình bày không hoàn chỉnh, không khoa học: 00 điểm 	01

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.5	<i>Kế hoạch triển khai</i>	08		07
3.5.1	<i>Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dự án. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng. Kế hoạch có độ linh hoạt, có khả năng thích ứng với những thay đổi phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện thực tế của gói thầu</i>	04	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày rõ ràng, đầy đủ, chi tiết, hợp lý và khả thi: 4 điểm - Trình bày đầy đủ và chấp nhận được: 0,1÷3,9 điểm - Trình bày thiếu hoặc không chi tiết, không khả thi: 00 điểm 	03
3.5.2	<i>Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến</i>	04	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày rõ ràng, đầy đủ, chi tiết, hợp lý và khả thi: 04 điểm - Trình bày đầy đủ và chấp nhận được: 0,1÷3,9 điểm - Trình bày thiếu hoặc không chi tiết, không khả thi: 00 điểm 	03
3.6	<p><i>Bố trí nhân sự:</i></p> <p><i>Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của E-HSMT. Có sơ đồ và thuyết minh cơ cấu tổ chức nhân sự phục vụ gói thầu</i></p> <p><i>Thời điểm và thời gian huy động nhân sự phù hợp với kế hoạch triển khai và có phân công cho từng nhân sự chủ chốt đề xuất thực hiện cho dự án</i></p>	02	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân sự được bố trí đầy đủ, thuyết minh chi tiết, phù hợp theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu: 02 điểm - Nhân sự được bố trí tương đối đầy đủ, thuyết minh chi tiết, phù hợp theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu: 0,1÷1,9 điểm - Nhân sự được bố trí chưa đầy đủ hoặc chưa chi tiết, phù hợp theo yêu cầu của hồ 	01

TT	Tiêu chuẩn		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
				sơ mời thầu: 00 điểm	
4	Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)		51		35
	Vị trí	Số lượng			
4.1	Chủ nhiệm lập BCNCKT	01	07		05
4.1.1	<p>- Yêu cầu về trình độ chuyên môn: Có trình độ tối thiểu Đại học chuyên ngành thủy lợi/thủy điện/xây dựng/điện.</p> <p>- Có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng: Thiết kế công trình công nghiệp (thủy điện) hạng 3 trở lên còn hiệu lực.</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề.</p> <p>(trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu trên thì điểm đánh giá của mục này = 0 và không chấm điểm theo các mục 4.1.2, 4.1.3)</p>		02	<p>- Đại học trở lên đúng chuyên ngành, có đầy đủ chứng chỉ phù hợp và còn hiệu lực: 02 điểm.</p> <p>- Không đáp ứng: Đại học trở xuống, không đúng chuyên ngành, không đầy đủ chứng chỉ phù hợp và còn hiệu lực: 00 điểm.</p>	02
4.1.2	<p>- Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết kế (Tính từ thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng thiết kế đầu tiên).</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, biên bản nghiệm</p>		03	<p>- ≥ 15 năm: 03 điểm.</p> <p>- $5 < < 10$ năm: 02 điểm.</p> <p>- $3 < < 5$ năm: 01 điểm.</p>	02

TT	Tiêu chuẩn		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư</i>			- < 3 năm: 00 điểm.	
4.1.3	<p>- Kinh nghiệm làm chủ nhiệm/tư vấn trưởng thiết kế (BCNCKT/TKKT/TKBVT) dự án thủy điện; công trình cấp III trở lên.</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư.</p>		02	<p>- ≥ 3 dự án: 02 điểm;</p> <p>- $01 \div < 3$ dự án: 01 điểm;</p> <p>- Không đáp ứng các yêu cầu trên: 00 điểm.</p>	01
4.2	Chủ trì khảo sát địa hình	01	07		05
4.2.1	<p>- Yêu cầu về trình độ chuyên môn: Có trình độ tối thiểu Đại học chuyên ngành trắc địa</p> <p>- Có Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng: khảo sát địa hình.</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề</p>		02	<p>- Đại học trở lên đúng chuyên ngành, có đầy đủ chứng chỉ phù hợp và còn hiệu lực: 02 điểm.</p> <p>- Không đáp ứng: Đại học trở xuống, không đúng chuyên ngành, không đầy đủ chứng chỉ phù hợp và còn hiệu lực: 00 điểm.</p>	02
4.2.2	<p>- Số năm kinh nghiệm trong tư vấn (Tính từ thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng tư vấn đầu tiên).</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư</p>		03	<p>- ≥ 15 năm: 03 điểm.</p> <p>- $5 \div < 10$ năm: 02 điểm.</p> <p>- $3 \div < 5$ năm: 01 điểm.</p> <p>- < 3 năm: 00 điểm.</p>	02
4.2.3	<p>- Kinh nghiệm chủ trì/chủ nhiệm khảo sát địa hình dự án thủy điện; công trình cấp III trở lên (Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh bao gồm: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác</p>		02	<p>- ≥ 3 dự án: 02 điểm;</p> <p>- $01 \div < 3$ dự án: 01 điểm;</p> <p>- Không đáp ứng các yêu cầu trên: 00 điểm.</p>	01

TT	Tiêu chuẩn		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>nhận của Chủ đầu tư...)</i>				
4.3	Chủ trì khảo sát địa chất công trình	01	07		05
4.3.1	<p>- Yêu cầu về trình độ chuyên môn: Có trình độ tối thiểu Đại học chuyên ngành địa chất công trình hoặc tương đương.</p> <p>- Có Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng: Khảo sát địa chất công trình hạng 3 trở lên còn hiệu lực.</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề</p>		02	<p>- Đại học trở lên đúng chuyên ngành, có chứng chỉ phù hợp và còn hiệu lực: 02 điểm.</p> <p>- Không phù hợp: 00 điểm.</p>	02
4.3.2	<p>- Số năm kinh nghiệm trong tư vấn (Tính từ thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng tư vấn đầu tiên).</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư</p>		03	<p>- ≥ 15 năm: 03 điểm.</p> <p>- $5 < < 10$ năm: 02 điểm.</p> <p>- $3 < < 5$ năm: 01 điểm.</p> <p>- < 3 năm: 00 điểm.</p>	02
4.3.3	<p>- Kinh nghiệm chủ trì/chủ nhiệm khảo sát địa chất dự án thủy điện; công trình cấp III trở lên (Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh bao gồm: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư,...)</p>		02	<p>- ≥ 3 dự án: 02 điểm;</p> <p>- $01 < < 3$ dự án: 01 điểm;</p> <p>- Không đáp ứng các yêu cầu trên: 00 điểm.</p>	01
4.4	Chủ trì thiết kế công trình (thủy công)	01	06		04

TT	Tiêu chuẩn		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.4.1	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu về trình độ chuyên môn: Có trình độ tối thiểu Đại học chuyên ngành thủy công hoặc tương đương. - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình thủy, hạng III còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu. - Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp 		02	<ul style="list-style-type: none"> - Đại học trở lên đúng chuyên ngành, có chứng chỉ phù hợp và còn hiệu lực: 02 điểm - Không phù hợp: 00 điểm 	02
4.4.2	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm trong tư vấn (Tính từ thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng tư vấn đầu tiên). - Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư 		02	<ul style="list-style-type: none"> - ≥ 10 năm: 02 điểm. - $05 < < 10$ năm: 01 điểm. - < 5 năm: 00 điểm. 	01
4.4.3	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm chủ trì/chủ nhiệm khảo sát thiết kế dự án thủy điện; công trình cấp III trở lên. - Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực xác nhận của chủ đầu tư hoặc Bản sao hợp đồng hoặc Quyết định giao việc. 		02	<ul style="list-style-type: none"> - ≥ 3 dự án: 02 điểm; - $01 < < 3$ dự án: 01 điểm; - Không đáp ứng các yêu cầu trên: 00 điểm. 	01
4.5	Chủ trì thiết kế phần cơ điện	01	06		04
4.5.1	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu về trình độ chuyên môn: Có trình độ tối thiểu Đại học chuyên ngành thủy lợi/thủy điện/xây dựng/cơ khí. - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ-điện công 		02	<ul style="list-style-type: none"> - Đại học trở lên đúng chuyên ngành, có chứng chỉ phù hợp và còn hiệu lực: 02 điểm - Không phù hợp: 00 điểm 	02

TT	Tiêu chuẩn		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	trình, hạng III còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu. - Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp.				
4.5.2	- Số năm kinh nghiệm trong tư vấn (Tính từ thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng tư vấn đầu tiên). - Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư.		02	- ≥ 10 năm: 02 điểm. - $05 < < 10$ năm: 01 điểm. - < 5 năm: 00 điểm.	01
4.5.3	- Kinh nghiệm chủ trì/chủ nhiệm thiết kế phần cơ - điện dự án thủy điện, công trình cấp III trở lên. (Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh bao gồm: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư, ...).		02	- ≥ 3 dự án: 02 điểm; - $01 < < 3$ dự án: 01 điểm; - Không đáp ứng các yêu cầu trên: 00 điểm.	01
4.6	Chủ trì thiết kế thủy văn – thủy năng	01	06		04
4.6.1	- Yêu cầu về trình độ chuyên môn: Có trình độ tối thiểu Đại học chuyên ngành thủy lợi/thủy điện/xây dựng/môi trường. - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng III trở lên còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu. - Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp		02	- Đại học trở lên đúng chuyên ngành: 02 điểm - Không phù hợp: 00 điểm	02

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.6.2	- Số năm kinh nghiệm trong tư vấn (Tính từ thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng tư vấn đầu tiên). - Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư.	02	- ≥ 10 năm: 02 điểm - $5 < 10$ năm: 01 điểm - < 5 năm: 00 điểm.	01
4.6.3	- Kinh nghiệm chủ trì/chủ nhiệm thiết kế thủy văn – thủy năng dự án thủy điện, công trình cấp III trở lên. (Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh bao gồm: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư, ...).	02	- ≥ 03 dự án: 02 điểm; - $01 \div < 03$ dự án: 01 điểm; - Không đáp ứng các yêu cầu trên: 00 điểm.	01
4.7	Chủ trì đánh giá phân tích hiệu quả dự án	01	06	04
4.7.1	- Yêu cầu về trình độ chuyên môn: Có trình độ tối thiểu Đại học chuyên ngành thủy lợi/thủy điện/xây dựng/kinh tế xây dựng. - Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp.	02	- Đại học trở lên đúng chuyên ngành: 02 điểm - Không phù hợp: 00 điểm	02
4.7.2	- Số năm kinh nghiệm trong tư vấn (Tính từ thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng tư vấn đầu tiên). - Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư..	02	- ≥ 10 năm: 02 điểm - $5 < 10$ năm: 01 điểm - < 5 năm: 00 điểm..	01
4.7.3	- Nhân sự đã từng làm chủ trì phân tích hiệu quả dự án ít nhất 02 gói thầu thiết kế công trình thủy điện	02	- ≥ 03 dự án: 02 điểm; - $01 \div < 03$ dự án: 01 điểm;	01

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>cấp III và chủ trì 01 gói thầu có tính chất tương tự. - Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực xác nhận của chủ đầu tư hoặc Bản sao hợp đồng hoặc Quyết định giao việc.</i>		- Không đáp ứng các yêu cầu trên: 00 điểm.	
4.8	Chủ trì lập dự toán	01	06	04
4.8.1	<i>- Yêu cầu về trình độ chuyên môn: Có trình độ tối thiểu Đại học chuyên ngành thủy lợi/thủy điện/xây dựng/kinh tế xây dựng. - Có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá hạng III trở lên còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu. - Tài liệu chứng minh: Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp.</i>	02	<i>- Đại học trở lên đúng chuyên ngành: 02 điểm - Không phù hợp: 00 điểm</i>	02
4.8.2	<i>- Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự toán công trình (Tính từ thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng tư vấn đầu tiên). - Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư..</i>	03	<i>- ≥ 15 năm: 03 điểm. - $10 < < 15$ năm: 02 điểm. - $5 < < 10$ năm: 01 điểm. - < 5 năm: 00 điểm.</i>	01
4.8.3	<i>- Kinh nghiệm chủ trì lập dự toán báo cáo nghiên cứu khả thi công trình thủy điện cấp III trở lên * Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư..</i>	01	<i>- ≥ 02 dự án: 01 điểm; - Không đáp ứng các yêu cầu trên: 00 điểm.</i>	01



Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) là 100%.

- Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 3 của Bảng trên mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

Điểm giá được xác định như sau:

$$G_{\text{thấp nhất}} \times T$$

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{\quad}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét.

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%; $K(\%) = 80$

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%; $G(\%) = 20$

+ $K + G = 100\%$;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

110
ÔNG
Ồ P
IUY
ÁN
A.T.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Webform	X	
E-HSDXKT				
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc	Webform		X
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X
10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
E-HSDXTC				
11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-			X

	HSDXTC		
12	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia		X
13	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia		X
14	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia		X
15	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng		X
16	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí		X

894
 TỶ
 AN
 DIỆ
 ĐO
 BÌNH

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói

Mẫu số 01A

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	<i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương V</i>		

2. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

Mẫu số 01B

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	<i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương V</i>		

3. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc theo thời gian

Mẫu số 01C

STT	Mô tả công việc
1	<i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương V</i>
2	

Ghi chú:

- Mẫu 01A áp dụng khi gói thầu bao gồm phân công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói;
- Mẫu 01B áp dụng khi gói thầu bao gồm phân công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá;
- Mẫu 01C áp dụng cho phân công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc theo thời gian;
- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các Mẫu 01A, 01B, 01C tương ứng cho từng hạng mục công việc.

3-C
PHỤ

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSĐXKT)

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSĐXKT: ___ [*Hệ thống tự trích xuất từ E-TBMT*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các

hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.



THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [Hệ thống tự động trích xuất].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [Hệ thống tự động trích xuất] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ [Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSĐT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSĐT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSĐT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;



- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- _____ - _____	- _____ % - _____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- _____ - _____	- _____ % - _____ %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

380
CƠ
CỔ
THUY
: AN
7/7-7/7

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc <i>[mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]</i>	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng <i>[trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]</i>	Vai trò trong công việc <i>[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu <i>[ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế <i>[từ ngày... đến ngày...]</i> Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

IG T
PH
DI
Đ
NH

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

1.

2.

3.

4.

5.

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]



LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.



TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1: 1) Thu thập dữ liệu 2) Soạn thảo báo cáo 3) Báo cáo sơ bộ 4) Tổng hợp ý kiến 5) ... 6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

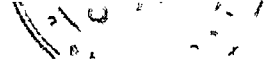
Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bổ trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... 2	
I	Nhân sự chủ chốt³								
1	Nguyễn Văn A		[Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
2					[Công ty]				
					[Thực địa]				
								
	Số công nhân sự chủ chốt								
II	Nhân sự khác								
1			[Nhà thầu điện]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
2				[Công ty]				
					[Thực địa]				
	Số công nhân sự								





	khác								
--	------	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 BDL có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 BDL.
- (2) Hạng mục công việc được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 08.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSMT.

1801
CỘNG
HỘY
1801
1-7.81

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc E-HSĐXTC)

Ngày: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Kính gửi: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Hệ thống tự động trích xuất] số E-TBMT: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [Hệ thống tự động trích xuất] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [Hệ thống tự động tính] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSĐXTC: ___ [Hệ thống tự động trích xuất].

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bổ trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I	Nhân sự chủ chốt						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
			Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(b)	
2		Công ty				
			Thực địa				
II	Nhân sự khác						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
			Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
2		Công ty				
			Thực địa				
Tổng cộng							(A)



Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Được Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 09.
- (4): Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để Hệ thống trích xuất thông tin vào cột này.
- (6) (7): Hệ thống tự tính

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A		Công ty							
			Thực địa							
...			Công ty							
			Thực địa							

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của Chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

Cột (3): Hệ thống tự động tính

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.



BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Ghi chú:

Mục A, B, M: Hệ thống tự trích xuất từ Mẫu 12, 13, 14

Tổng chi phí: Hệ thống tự tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn đề xuất về tài chính

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

1 : MỞ ĐẦU

GIỚI THIỆU CHUNG

Dự án thủy điện Na Phát thuộc địa phận xã Phì Như, xã Keo Lôm và thị trấn Điện Biên Đông, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

Dự án thủy điện Na Phát là bậc thang thứ 2 trên suối Lư, dự kiến xây dựng tại khu vực giáp ranh giữa các xã Phì Như, xã Keo Lôm và thị trấn Điện Biên Đông, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, cách thành phố Điện Biên khoảng 3,5km về phía Đông Nam, cách thị trấn Điện Biên Đông khoảng 9,5km về phía Đông Nam.

Dự án thủy điện Na Phát có công suất lắp máy 10MW, điện lượng trung bình năm khoảng 30,15 triệu kWh.

Dự án thủy điện Na Phát là công trình thủy điện đường dẫn, tận dụng cột nước địa hình để phát điện, công trình còn là một điểm sáng đầu tư cho khu vực miền núi góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá xã hội cho khu vực.

Do công trình là dạng thủy điện vừa và nhỏ, để tiết giảm chi phí, công tác khảo sát được thực hiện một lần phục vụ cho cả 3 giai đoạn Nghiên cứu khả thi - Thiết kế cơ sở, Thiết kế kỹ thuật và Bản vẽ thi công.

NHIỆM VỤ CÔNG TRÌNH

Nhiệm vụ chính của dự án thủy điện Na Phát là phát điện lên lưới điện quốc gia với công suất 10MW, điện lượng trung bình năm khoảng 30,15 triệu kWh.

Ngoài nhiệm vụ phát điện, dự án còn hướng tới các mục tiêu sau:

- Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương khi dự án thi công và đi vào vận hành
- Cải thiện điều kiện giao thông phát triển cơ sở hạ tầng, dân sinh kinh tế vùng dự án

CẤP CÔNG TRÌNH

Đập thủy điện Na Phát là đập Bê tông trọng lực, có chiều cao lớn nhất 24,7m, theo QCVN 04-05:2022/BNNPTNT thì công trình thuộc cấp III.

Nhà máy thủy điện Na Phát có công suất lắp máy 10 MW, theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng, công trình thuộc cấp III.

Như vậy công trình thủy điện Na Phát theo các quy định hiện hành thuộc cấp III.

Tần suất lũ thiết kế và lũ kiểm tra như sau:

- Tần suất lũ kiểm tra: P=0,5%
- Lũ thiết kế: P=1,5%



CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA CÔNG TRÌNH

Bảng thông số kỹ thuật của dự án (Giai đoạn quy hoạch)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
	Cấp công trình		III
I	Đặc trưng lưu vực		
1	Tổng diện tích lưu vực F_{IV}	km ²	
-	Lưu vực đập chính	km ²	197
-	Lưu vực tuyến nhà máy	km ²	221
2	Lượng mưa trung bình năm X_0	mm	1610
3	Lưu lượng bình quân Q_0 đến tuyến đập	m ³ /s	5,26
4	Lưu lượng ứng với tần suất $P = 0,5\%$	m ³ /s	1150
5	Lưu lượng ứng với tần suất $P = 1,5\%$	m ³ /s	954
II	Thông số hồ chứa		
-	Mực nước dâng bình thường	m	665,00
-	Mực nước chết	m	661,00
-	Mực nước lũ thiết kế ($P = 1,5\%$)	m	668,38
-	Mực nước lũ kiểm tra ($P = 0,5\%$)	m	668,97
-	Dung tích toàn bộ	10 ⁶ m ³	1,51
-	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	0,59
-	Dung tích chết	10 ⁶ m ³	0,92
-	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	ha	16,97
III	Thông số thủy năng		
-	Lưu lượng lớn nhất qua Tuabin Q_{max}	m ³ /s	14,27
-	Lưu lượng đảm bảo $Q_{80\%}$	m ³ /s	1,51
-	Cột nước tính toán H_{tt}	m	80,1
-	Mực nước hạ lưu nhỏ nhất	m	579,5
-	Công suất lắp máy N_{lm}	MW	10,0
-	Công suất đảm bảo $B_{đb}$	MW	0,9
-	Số tổ máy	Tổ	2
-	Điện lượng bình quân nhiều năm	10 ⁶ kWh	30,15
-	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	Giờ	3015
IV	Các thông số chính của công trình		
1	Đập không tràn		
-	Loại đập không tràn	Đập bê tông trọng lực	
-	Chiều dài đập	m	42,7

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
-	Chiều cao đập lớn nhất	m	18,50
2	Đập tràn		
-	Bề rộng tràn nước	m	60,0
-	Chiều cao đập lớn nhất	m	24,7
3	Công trình gom nước 1		
-	MNDBT/MNC		675,0/675,0
-	Loại đập	Chiron	
-	Chiều dài máng Chiron	m	20,0
-	Bề rộng máng Chiron	m	1,0
-	Chiều cao đập lớn nhất	m	7,5
-	Chiều dài ống chuyển nước uPVC	m	80,5
-	Đường kính ống uPVC	m	0,7
4	Tuyến năng lượng		
4.1	Cửa nhận nước		
-	Kích thước cửa vào, BxH	m	4,3x4,3
-	Kích thước thông thủy, bxx	m	2,8x2,8
4.2	Kênh dẫn nước		
-	Chiều dài	m	901,2
-	Kích thước mặt cắt thông thủy, bxx	m	2,8x2,8
-	Độ dốc	%	0,1÷0,2
4.3	Hầm dẫn nước (tổng chiều dài)	m	3514,8
-	Chiều dài đoạn 1 / đoạn 2	m	968,3/2546,5
-	Kích thước đào, bxx	m	3,5x3,5
-	Kích thước đoạn bọc BTCT	m	2,8x2,8
-	Độ dốc	%	0,1÷5,0
4.4	Đường ống áp lực		
-	Chiều dài	m	278,6
-	Đường kính ống chính/ ống nhánh.	m	2,4/1,6
5	Nhà máy thủy điện		
	- Cao trình sàn lắp máy	m	580,2
	- Kích thước nhà máy (BxLxH)	m	42,5x23,7x21
	- Số tổ máy	Tổ	2
	- Công suất lắp máy – N _{lm}	MW	10,0



CÁC TIÊU CHUẨN QUY PHẠM ÁP DỤNG

Các tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế chủ yếu dựa vào các tiêu chuẩn Việt Nam. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm trong nước không có thì áp dụng tiêu chuẩn của các nước G7, Nga, Trung Quốc hoặc Mỹ.

Các tiêu chuẩn chuyên ngành thủy công

TT	Tên tiêu chuẩn	Số hiệu
1	Công trình thủy lợi- các quy định chủ yếu về thiết kế	QCVN 04-05:2022
2	Quy phạm tính toán thủy lực công trình xả kiểu hở và xói lòng dẫn bằng đá do dòng phun	TCVN 8420:2010
3	Công trình thủy lợi – Thiết kế đập bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 9137:2012
4	Công trình thủy lợi – Tính toán đường viền thấm dưới đất của đập trên nền không phải là đá	TCVN 9143:2012
5	Công trình thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật tính toán các đường ống dẫn bằng thép	TCVN 9145:2012
6	Công trình thủy lợi – Quy trình tính toán thủy lực đập tràn	TCVN 9147:2012
7	Công trình thủy lợi – Quy trình tính toán thủy lực công dưới sâu	TCVN 9151:2012
8	Công trình thủy lợi – Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi	TCVN 9152:2012
9	Công trình thủy lợi – Quy trình tính toán đường hầm thủy lợi.	TCVN 9154:2012
10	Công trình thủy lợi – Yêu cầu thiết kế dẫn dòng trong xây dựng	TCVN 9160:2012
11	Công trình thủy lợi – Khoan nổ mìn đào đá – Phương pháp thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCVN 9161:2012
12	Công trình thủy lợi – Đường thi công – Yêu cầu thiết kế	TCVN 9162:2012
13	Công trình thủy lợi – Các quy định chủ yếu về thiết kế bố trí thiết bị quan trắc cụm công trình đầu mối	TCVN 8215:2021
14	Công trình thủy lợi – Nền các công trình thủy công – Yêu cầu thiết kế.	TCVN 4253:2012
15	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công	TCVN 4252:2012
16	Thép cốt bê tông	TCVN 1651: 2018
17	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công	TCVN 4116-85
18	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN-5574-2012

Các tiêu chuẩn chuyên ngành công nghệ

TT	Tên tiêu chuẩn	Số hiệu
1	Công trình thủy lợi – yêu cầu kỹ thuật trong chế tạo và lắp giáp thiết bị cơ khí, kết cấu thép.	TCVN 8298:2009
2	Công trình thủy lợi – yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế cửa van, khe van bằng thép.	TCVN 8299 : 2009
3	Đường ống áp lực bằng thép: Yêu cầu trong thiết kế, chế tạo và lắp đặt.	TCVN 8636 : 2011
4	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn	TCVN 7508:2005
5	Thiết bị nâng - Thiết kế chế tạo và kiểm tra kỹ thuật	TCVN 4244-2005
6	Công trình thủy lợi – Máy đóng mở kiểu xilanh thủy lực - Yêu cầu trong thiết kế, lắp đặt, nghiệm thu và bàn giao.	TCVN 8300 : 2009
7	Thông gió- điều hoà không khí-sưởi ấm. Tiêu chuẩn thiết kế.	TCVN 5687-1992
8	Hệ thống thông gió yêu cầu chung về an toàn.	TCVN 3288-1979
9	Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình-yêu cầu thiết kế	TCVN 2622:1995
10	Hệ thống chữa cháy-Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng	TCVN 5760-1993

Các tiêu chuẩn thiết kế phần điện

TT	Tên tiêu chuẩn	Số hiệu
1	Quy phạm trang bị điện	11 TCN 18-21:2006
2	Tiêu chuẩn kỹ thuật về nối đất và nối không các thiết bị điện	TCVN 4756:1989
3	Chống sét cho công trình xây dựng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012
4	Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9207:2012

Các chương trình sử dụng trong tính toán

- Chương trình tính ổn định mái Slope/W của hãng Geo-Slope Canada.
- Chương trình tính thấm Seep/W của hãng Geo-Slope Canada.
- Chương trình tính toán kết cấu Sap2000
- Chương trình tính toán kết cấu ANSYS
- Chương trình HEC-RASS của Quân đội Mỹ
- Chương trình tính toán thủy năng, thủy lực do TVTK viết



- Chương trình tính toán nhiệt trong bê tông khối lớn do TVTK viết
- Các chương trình phần mềm khác

Y T E
N H A N
M H I A
M H I C

2. KHẢO SÁT PHỤC VỤ CÔNG TÁC THIẾT KẾ CÔNG TÁC KHẢO SÁT THỦY VĂN

Thu thập số liệu và điều tra

Theo đặc điểm dự án để có cơ sở tính toán các đặc trưng khí tượng thủy văn phục vụ thiết kế, cần thu thập tài liệu các trạm khí tượng thủy văn trong và lân cận tuyến công trình, đo lưu lượng ứng với mực nước đồng thời điều tra lũ lịch sử.

Tài liệu khí tượng thủy văn cơ bản

Để có đủ tài liệu khí tượng thủy văn cơ bản phục vụ lập hồ sơ cần thiết thu thập các yếu tố khí tượng và yếu tố thủy văn của các trạm khí tượng thủy văn khu vực công trình.

Tài liệu dùng nước thượng lưu công trình

Tài liệu về các công trình dùng nước ở thượng lưu bao gồm:

- Loại công trình
- Quy mô, hình thức điều tiết
- Chế độ lấy nước cho tưới ở thượng lưu (nếu có) và nhu cầu nước phải xả nước xuống hạ dự án

Đo vẽ mặt cắt ngang sông.

Các mặt cắt phải đo vuông góc với hướng chủ lưu, các điểm đo sâu của mặt cắt ước cách nhau 5m.

- Đo mặt cắt ngang đến cao trình cao hơn mực nước lũ lịch sử điều tra là 2m
- Độ cao mép nước điều tra tại các mặt cắt phải được đo cùng thời điểm.

Tỷ lệ các mặt cắt ngang như sau: tỷ lệ đứng 1:500; tỷ lệ ngang 1:500 (các đặc trưng về địa hình, đất đá trên mặt cắt ngang phải được thể hiện chi tiết đầy đủ).

Tính toán các đặc trưng khí tượng thủy văn

Căn cứ theo tài liệu khí tượng thủy văn thu thập và kết hợp với tài liệu đo đạc thực tế tính toán các đặc trưng khí tượng thủy văn sau.

- Nhiệt độ không khí
- Chế độ gió
- Chế độ mưa
- Độ ẩm không khí
- Lượng bốc hơi
- Dòng chảy năm và phân phối dòng chảy năm



- Dòng chảy lũ thiết kế theo các tần suất theo quy phạm
- Dòng chảy lũ thi công các tần suất theo quy phạm
- Quan hệ mực nước và lưu lượng.
- Tính toán lưu lượng lũ tập trung nước tạo bởi các khe tụ thủy và sườn dốc.
- Tổng hợp khối lượng khảo sát khí tượng thủy văn cần cho dự án

Trong đó:

- X - Lượng mưa.
- H - Mực nước.
- Q - Lưu lượng nước.
- R - Độ đục bùn cát.
- $T^{\circ}nc$ - Nhiệt độ nước.

CÔNG TÁC KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH

Khái quát chung

Công tác trắc địa - địa hình cần tiến hành khảo sát một số nội dung sau:

- Xây dựng lưới khống chế mặt bằng và độ cao các cấp.
- Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/200, h=2m khu vực hồ chứa.
- Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, h=0,5m: Khu vực kênh dẫn vào, cửa lấy nước, chi ron gom nước, đường ống áp lực, nhà máy và kênh xả.
- Khảo sát địa hình phục vụ cho công tác nghiên cứu địa chất : đo nối cao tọa độ đến các vị trí hố khoan.

Mục đích và phương pháp khảo sát

Mục đích khảo sát :

Mục đích của công tác khảo sát địa hình tiến hành thu thập các tài liệu bản đồ hiện có trong khu vực, tiến hành một số công tác trắc địa công trình để phục vụ lập dự án.

Phương pháp khảo sát và phạm vi khảo sát :

Tài liệu cơ sở :

- Hệ thống khống chế tọa độ, độ cao : Hệ thống khống chế của công trình sử dụng hệ tọa độ Nhà nước VN2000. Mốc độ cao lấy từ các điểm độ cao quan trắc của nhà nước gần vị trí công trình.
- Bản đồ địa hình : Trong khu vực công trình chỉ có bản đồ tỉ lệ 1:10.000, do Tổng cục Địa chính phát hành.

Xây dựng lưới khống chế mặt bằng và độ cao:

- Xây dựng lưới đường chuyên hạng IV: Để phục vụ cho công tác không chế toàn bộ khu vực công trình và vùng lòng hồ cần thiết phải xây dựng lưới đường chuyên hạng IV, xây dựng thành một mạng lưới bao trùm toàn bộ khu vực. Các điểm của lưới đường chuyên hạng IV được đo nối với các điểm không chế tọa độ nhà nước.
- Công tác chọn điểm chôn mốc: Các điểm đường chuyên hạng IV được chọn ở những nơi có vị trí ổn định, có tầm thông hướng tốt, thuận lợi cho việc đo đạc và phát triển lưới tầng dày. Cách xa trạm phát sóng, đảm bảo góc nhìn vệ tinh. Mốc được xây dựng bằng bê tông cốt thép có gắn núm sứ ở tâm mốc.
- Công tác đo đạc: Lưới đường chuyên hạng IV được đo bằng công nghệ GPS. Các vị trí chọn mốc phải tiến hành phát quang để đảm bảo tín hiệu thu tốt nhất, thời đoạn đo tối thiểu là 90 phút, số vệ tinh thu tối thiểu là 5. Trong quá trình đo phải thường xuyên kiểm tra nguồn điện, thu tín hiệu vệ tinh và lưu trữ dữ liệu. Không được sử dụng bộ đàm ngay cạnh ăng ten khi đang thu tín hiệu vệ tinh. Phải đo nhiệt độ, độ ẩm và áp suất trước và sau khi đo, chiều cao ăng ten được đo 2 lần đọc số đến mm trước và sau khi kết thúc trạm đo. Ngoài ra Công tác đo đạc phải tuân thủ theo quy định sử dụng máy thu vệ tinh để thành lập lưới Trắc địa do Cục Đo đạc Bản đồ Nhà nước (nay là Tổng cục Địa chính) ban hành năm 1991.

Tính bình sai:

- Tọa độ phải được tính toàn bình sai chặt chẽ trong hệ tọa độ VN2000. Độ chính xác của lưới sau bình sai phải đạt:
 - + Sai số trung phương đo góc $< 2,5''$
 - + Sai số tương đối cạnh yếu nhất $< 1:50000$

Lưới đường chuyên cấp 1

- Công tác chọn điểm chôn mốc: Dựa vào các điểm đường chuyên hạng IV tiến hành bố trí các điểm đường chuyên cấp 1. Mốc đường chuyên cấp 1 được bố trí đủ mật độ không chế cơ sở cần thiết cho công tác phát triển lưới cấp thấp. Các điểm đường chuyên cấp 1 được chọn ở những vị trí ổn định đảm bảo phục vụ công tác đo vẽ bản đồ, mốc được gia cố bằng bê tông tâm mốc gắn đinh vít đánh dấu chữ thập, kích thước mốc 25cm x 25cm x 40cm.
- Công tác đo đạc: Lưới đường chuyên cấp 1 được đo bằng công nghệ GPS hoặc bằng máy toàn đạc điện tử. Đo bằng công nghệ GPS giống như lưới đường chuyên hạng IV nhưng thời gian thu tín hiệu vệ tinh tối thiểu 60 phút. Trước khi đo đạc máy mốc, dụng cụ sản xuất phải được kiểm tra, kiểm nghiệm đúng theo quy trình, quy phạm. Máy sử dụng đo đường chuyên cấp 1: máy toàn đạc điện tử có độ chính xác đo góc $M\beta < 2''$, độ chính xác đo cạnh $M_s < 3\text{mm} + 2\text{Dppm}$; như DTM-530, DTM552 do Nhật Bản chế tạo, TC705 do Thụy Sĩ chế tạo

hoặc các máy khác có độ chính xác tương đương. Góc bằng đo 3 vòng theo phương pháp: đo khép toàn vòng với 3 hướng trở lên, đo khép với 2 hướng. Thay đổi trị số hướng ban đầu theo công thức:

$$J = \frac{180}{n} + i$$

- Trong đó:
 - + n : là số vòng đo
 - + i : là giá trị nhỏ nhất trên bàn độ (Phút).
- Góc đứng đo 1 vòng ở hai vị trí bàn độ thuận và đảo. Cạnh được đo 1 lần và đọc số 5 lần sau lấy trung bình.
- Bình sai lưới đường chuyên cấp 1 : Công tác bình sai lưới đo bằng công nghệ GPS giống như lưới đường chuyên hạng IV, được bình sai trong hệ toạ độ VN2000. Lưới đường chuyên cấp 1 đo bằng máy toàn đạc điện tử, được bình sai chặt chẽ bằng các phần mềm chuyên dụng. Trước khi đưa vào tính toán bình sai cần kiểm tra chính xác số liệu.

Các chỉ tiêu kỹ thuật của lưới đường chuyên cấp 1:

Hạng mục	Chỉ tiêu kỹ thuật
Cạnh ngắn nhất	≥ 120 m
Chiều dài cạnh dài nhất	≤ 800 m
Số cạnh trong đường chuyên đơn	≤ 15
Sai số khép góc	$\leq 10''\sqrt{n}$
Sai số trung phương đo góc	$m\beta = 5''$
Sai số trung phương tương đối cạnh yếu	$< 1:10000$

Lưới đường chuyên cấp 2

- Công tác chọn điểm chôn mốc: Để phục vụ trực tiếp cho công tác đo vẽ bản đồ cần phải xây dựng lưới đường chuyên cấp 2, lưới được phát triển từ các điểm đường chuyên hạng IV, đường chuyên cấp 1. Mốc đường chuyên cấp 2 được tăng dày nhằm đảm bảo cần thiết cho công tác đo vẽ bản đồ của công trình. Các điểm đường chuyên cấp 2 được gia cố bằng bê tông tâm mốc có gắn đinh vít đánh dấu chữ thập, kích thước mốc 20cmx 20cm x40cm.
- Công tác đo đạc: Lưới đường chuyên cấp 2 được đo bằng công nghệ GPS hoặc bằng máy toàn đạc điện tử. Đo bằng công nghệ GPS giống như lưới đường chuyên hạng IV nhưng thời gian thu tín hiệu vệ tinh tối thiểu 45 phút. Trước khi đo đạc máy móc, dụng cụ sản xuất phải được kiểm tra, kiểm nghiệm đúng theo quy trình, quy phạm. Máy sử dụng đo đường chuyên cấp 2: máy toàn đạc điện tử có độ chính xác đo góc $M\beta < 2''$, độ chính xác đo cạnh $M_s < 3\text{mm} + 2D\text{ppm}$; như

DTM-530, DTM552 do Nhật Bản chế tạo, TC705 do Thụy Sĩ chế tạo hoặc các máy khác có độ chính xác tương đương. Góc bằng đo 2 vòng theo phương pháp: đo kép toàn vòng với 2 hướng trở lên, đo kép với 2 hướng. Thay đổi trị số hướng ban đầu theo công thức:

$$J = \frac{180}{n} + i$$

- Trong đó:
 - + n : là số vòng đo
 - + i : là giá trị nhỏ nhất trên bản đồ (Phút).
- Góc đứng đo 1 vòng ở hai vị trí bản đồ thuận và đảo. Cạnh được đo 1 lần và đọc số 3 lần sau lấy trung bình.
- Tính bình sai: Công tác tính toán bình sai lưới đường chuyền cấp 2 giống như lưới đường chuyền cấp 1.

Các chỉ tiêu kỹ thuật của lưới đường chuyền cấp 2:

Hạng mục	Chỉ tiêu kỹ thuật
Cạnh ngắn nhất	≥ 80 m
Chiều dài cạnh dài nhất	≤ 350 m
Số cạnh trong đường chuyền đơn	≤ 15
Sai số khép góc	$\leq 20'' \sqrt{n}$
Sai số trung phương đo góc	$m\beta = 10''$
Sai số trung phương tương đối cạnh yếu	$< 1:5000$

Xây dựng lưới khống chế độ cao: Để phục vụ cho việc khống chế độ toàn bộ công trình, thống nhất độ cao toàn quốc, cần thiết phải tiến hành dẫn độ cao từ các mốc cao độ nhà nước vào công trình.

Xây dựng lưới thủy chuẩn hạng IV

- Lưới đường chuyền hạng IV được xây dựng Trên cơ sở các điểm độ cao nhà nước đã có trong khu vực tiến hành dẫn thủy chuẩn hạng IV dải đều toàn khu vực.
- Chỉ tiêu của lưới thủy chuẩn hạng IV $f_h \leq \pm 25 \sqrt{L}$ mm,
- Xây dựng lưới thủy chuẩn kỹ thuật
- Lưới thủy chuẩn kỹ thuật dẫn đến các mốc đường chuyền mà địa hình cho phép.
- Lưới thủy chuẩn kỹ thuật được sử dụng máy H3T, NI025, AS-2C hoặc các máy có độ chính xác tương đương và mia gỗ 3m có khắc vạch nhỏ nhất 1cm. Quá trình đo đạc phải tuân thủ theo quy phạm



hiện hành. Còn lưới thủy chuẩn kỹ thuật: $f_h \leq \pm 50 \sqrt{L}$ mm (trong đó L là chiều dài tuyến thủy chuẩn tính bằng km).

- Không chế độ cao bằng xây dựng các:
 - + Chiều dài tuyến thủy chuẩn hạng IV
 - + Chiều dài các tuyến thủy chuẩn kỹ thuật

Đo vẽ bản đồ địa hình tỉ lệ 1/500;

- Hệ cao toạ độ: Hệ cao toạ độ quốc gia.
- Phạm vi đo vẽ bản đồ xem sơ đồ:
 - + Đo vẽ bản đồ 1/500 đường đồng mức 0,5m khu vực Khu vực kênh dẫn vào, cửa lấy nước, Chiron gom nước, đường ống áp lực, nhà máy và kênh xả.
- Nội dung của bản đồ được thể hiện đầy đủ hiện trạng các yếu tố địa hình, địa vật như sông suối, nhà cửa, cây công nghiệp, mồ mả .v.v. ở thời điểm đo vẽ.
- Bản đồ được số hoá
- Phân mảnh bản đồ tự do kích thước 60 x 60 cm với số mảnh 8 mảnh
- Bản đồ phải đạt chất lượng theo quy phạm hiện hành.

Đo vẽ bản đồ địa hình tỉ lệ 1/2000;

- Hệ cao toạ độ: Hệ cao toạ độ quốc gia.
- Phạm vi đo vẽ bản đồ xem sơ đồ:
 - + Đo vẽ bản đồ 1/2000 đường đồng mức 2m khu vực hồ chứa.
- Nội dung của bản đồ được thể hiện đầy đủ hiện trạng các yếu tố địa hình, địa vật như sông suối, nhà cửa, cây công nghiệp, mồ mả .v.v. ở thời điểm đo vẽ.
- Bản đồ được số hoá
- Phân mảnh bản đồ tự do kích thước 60 x 60 cm với số mảnh 8 mảnh
- Bản đồ phải đạt chất lượng theo quy phạm hiện hành.

Đo vẽ các mặt cắt dọc cắt ngang

- Bao gồm cắt dọc sông, ngang sông
- Tỷ lệ vẽ :
 - + Tỷ lệ đứng : 1 : 500
 - + Tỷ lệ ngang: 1 : 500

Công tác địa hình phục vụ địa chất

- Không chế tọa độ.

- + Đường chuyền cấp 2 xây dựng bằng công nghệ GPS dẫn cao tọa độ đến các khu vực đo vẽ, làm lưới khống chế cơ sở cho các khu vực mở để phát lưới đo vẽ và đo nối các vị trí hố khoan.
- Không chế độ cao.
- + Từ các điểm độ cao hạng IV hiện có tại khu vực, phát triển các tuyến thủy chuẩn kỹ thuật bằng công nghệ GPS tới các điểm đường chuyền cấp 2, từ đây tiếp tục phát triển các tuyến thủy chuẩn kỹ thuật tới các điểm khống chế đo vẽ chi tiết bản đồ.
- Hệ tọa độ : VN2000
- Hệ độ cao : theo hệ độ cao công trình
- Đo nối cao tọa độ các vị trí hố khoan.
- + Để phục vụ công tác khoan đào đúng vị trí theo yêu cầu, phục vụ cho công tác nghiên cứu địa chất công trình, các vị trí hố khoan phải được thống nhất theo hệ tọa độ công trình.

Công tác địa hình phục vụ thủy văn

Đo vẽ các mặt cắt phục vụ tính toán $Q=f(H)$ tỉ lệ 1/500

Điều tra mực nước lũ lịch sử tại vùng tuyến công trình

Tiêu chuẩn khảo sát địa hình được áp dụng

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 (phần ngoài trời) ký hiệu 96 TCN 43-90 của Cục đo đạc bản đồ nhà nước số 248/ KT ban hành ngày 09/8/1990.
- Quy chuẩn Việt Nam QCVN11: 2008/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về xây dựng lưới độ cao do Cục Đo đạc và bản đồ Việt Nam biên soạn, Vụ khoa học Công nghệ trình duyệt, Bộ tài nguyên và Môi trường ban hành theo quyết định số 11/2008/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2008.
- Quy chuẩn Việt Nam QCVN04:2009/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về xây dựng lưới tọa độ do Cục Đo đạc và bản đồ Việt Nam biên soạn, Vụ khoa học Công nghệ thẩm định, Bộ tài nguyên và Môi trường ban hành theo Thông tư số 06/2009/TT-BTNMT ngày 18 tháng 06 năm 2009.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình : TCXDVN: 364 - 2006, do Bộ Xây dựng ban hành theo quyết định số 04/2006/QĐ-BXD ngày 28 tháng 2 năm 2006 về việc ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.
- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 309:2004 công tác trắc địa trong xây dựng công trình- yêu cầu chung. Do Bộ Xây dựng ban hành theo quyết định số 04/QĐ-BXD ngày 10 tháng 1 năm 2005 về việc

1000
NG T
PH
Y Đ
N Đ
T. BINH

ban hành TCXDVN 309:2004 “công tác trắc địa trong xây dựng công trình- yêu cầu chung”..

- Bảng tổng hợp khối lượng khảo sát địa hình

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Cấp ĐH
1	Đường chuyền hạng IV	Điểm	2	IV
2	Tam giác hạng IV	Điểm	3	
3	Đường chuyền cấp 1	Điểm	6	
4	Đường chuyền cấp 2	Điểm	8	
5	Xác định cao tọa độ các điểm khảo sát	Điểm	13	
6	Thủy chuẩn hạng IV	Km	3	
7	Thủy chuẩn kỹ thuật	Km	5	
8	Đo vẽ mặt cắt ngang sông	Km	2,5	
9	Đo vẽ bản đồ 1:500, h=0,5m trên cạn	Ha	40,5	
10	Đo vẽ bản đồ 1:2000, h=2,0m trên cạn	Ha	36,0	
11	Số hoá bản đồ 1:500, h=0,5m	Ha	40,5	
12	Số hoá bản đồ 1:2000, h=2,0m	Ha	36,0	
13	In bản đồ (9 bộ)	Mảnh	54	
14	Phát cây phục vụ đo vẽ	100m ²	810	

CÔNG TÁC KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT

Những vấn đề địa chất cần nghiên cứu

- Nghiên cứu địa chất tổng quát để phân chia địa tầng – thạch học của tất cả các loại đất đá có trong khu vực. Nghiên cứu nhằm xác bề dày, diện phân bố, quan hệ tiếp giáp giữa các loại đá. Cần xác định rõ chiều dày đất đá cần bóc bỏ, kể cả mái dốc hố móng tại nền đập.
- Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc kiến tạo, đặc điểm uốn nếp và các đới phá huỷ kiến tạo, quan hệ giữa các đới phá huỷ kiến tạo với nhau, mức độ nứt nẻ giữa các đá với thành phần thạch học khác nhau.
- Nghiên cứu các hiện tượng địa chất vật lý: phong hoá, lập quy luật vô phong hoá theo bề mặt và mặt cắt đứng, quan hệ giữa chúng với các đới phá huỷ kiến tạo và trục uốn nếp. Nghiên cứu các hiện tượng địa chất vật lý khác như trượt lở, xói mòn.
- Nghiên cứu địa chất thuỷ văn, phân chia các địa tầng và các phức hệ chứa nước, đặc tính của mỗi loại thạch học khác nhau và theo đới nguyên khối, đặc điểm tính thấm trong các đới phá huỷ kiến tạo để đề xuất các biện pháp chống thấm ở nền công trình. Nghiên cứu mực nước dưới đất, tính dao động mực nước theo mùa và thành phần hoá học của chúng.
- Nghiên cứu đánh giá các đặc điểm động đất ảnh hưởng đến công trình.
- Nghiên cứu đánh giá tình hình khoáng sản trong vùng để từ đó đề xuất ra các biện pháp khai thác xử lý trước khi đưa công trình vào vận hành.
- Nghiên cứu tính chất cơ lý của đất đá, vừa phục vụ làm nền công trình, vừa phục vụ làm vật liệu xây dựng thiên nhiên, nghiên cứu tính chất cơ lý của đất đá theo đới nguyên khối, theo thạch học và các đới phá huỷ kiến tạo.
- Nghiên cứu tại khu vực hồ chứa và hạ du.
- Nghiên cứu khả năng thấm mất nước từ hồ chứa qua những nơi có đường phân thuỷ mỏng, qua nền và vai đập.
- Nghiên cứu khả năng tái tạo hồ chứa.
- Nghiên cứu khả năng làm bán ngập khu kế cận hồ chứa.
- Dự báo khả năng làm ô nhiễm hồ do các khoáng vật hiếm và độc hại gây nên.
- Đánh giá tính ổn định khu hạ du.
- Nghiên cứu điều kiện ĐCCT của khu đầu mối và khu phụ trợ.



- Đề xuất các biện pháp xử lý nền công trình, đảm bảo tính ổn định và kinh tế.
- Đánh giá khả năng sử dụng đất đá đào từ hố móng.

Dự kiến thành phần khối lượng

Trên cơ sở các phương án bố trí các hạng mục công trình, để giải quyết những vấn đề nêu trên với độ chính xác cao, cần thiết phải tiến hành công tác khảo sát địa chất công trình. Thành phần khối lượng và các biện pháp công tác khảo sát dự kiến như sau:

Công tác lập bản đồ địa chất công trình tỷ lệ: 1/2.000

Phạm vi đo vẽ địa chất công trình cho hồ chứa và các hạng mục công trình.

Công tác khoan đào

Mục đích: Công tác khoan đào được bố trí chủ yếu trên phương án tuyến nhằm làm rõ một số nội dung sau:

- Xác lập cấu trúc địa chất lỗ khoan, đứt gãy kiến tạo, độ nứt nẻ của đá.
- Xác định chiều dày đới phong hoá, độ sâu mực nước ngầm và các tầng nước ngầm.
- Lấy mẫu thí nghiệm để xác định đặc điểm địa tầng và thành phần thạch học, các tham số độ bền của đất, đá nền công trình.
- Lấy mẫu nước ngầm để xác định tính ăn mòn của bê tông.
- Thí nghiệm ĐCTV để đánh giá tính thấm của đất, đá.
- Thành lập mặt cắt ĐCCT theo các phương án tuyến.
- Xác định bề dày tầng phủ mỏ đá, chiều dày tầng có ích mỏ đất, mỏ cát.

Công tác khoan:

- + Khoan tuyến công trình : Tiến hành khoan tại các hạng mục: Tuyến đập, đường hầm, chiron gom nước, đường ống áp lực, nhà máy và kênh xả. Các lỗ khoan bố trí dựa vào sơ đồ bố trí các công trình thiết kế kết hợp các đặc điểm địa hình địa mạo và các quy trình, quy phạm hiện hành.

Bảng thống kê khối lượng khoan địa chất công trình

TT	Tên hố khoan	Vị trí	Chiều sâu (m)
1	HK-01	Đập vai trái	20
2	HK-02	Đập vai phải (cửa lấy nước)	20
3	HK-03	Đập vai phải	20
4	HK-04	Cửa vào hầm	20

TT	Tên hố khoan	Vị trí	Chiều sâu (m)
5	HK-05	Cửa vào hầm	20
6	HK-06	Đường hầm (Vị trí gom nước)	15
7	HK-07	Đường hầm (Vị trí gom nước)	15
8	HK-08	Tháp điều áp	20
9	HK-09	Đường ống áp lực	20
10	HK-10	Đường ống áp lực	20
11	HK-11	Nhà máy	20
12	HK-12	Nhà máy	20
13	HK-13	Nhà máy	20

Công tác đào

Công tác đào hố được tiến hành trong công tác đo vẽ bản đồ địa chất công trình, tại tìm các tuyến công trình, các mỏ vật liệu nhằm phục vụ công tác lấy mẫu đất nguyên dạng, tiến hành thí nghiệm thám nhằm xác định hệ số thấm của các lớp đất, xác định bề dày tầng phủ - tầng có ích mỏ đất, mỏ cát. Thiết diện hố đào ($1m^2$), chiều sâu từ 3÷4 m. Khi đào xong phải tiến hành mô tả địa tầng vách hố, lập mặt cắt khai triển vách hố, lấy mẫu, thí nghiệm hiện trường rồi lấp hố để tránh tai nạn đối với người và vật nuôi.

Công tác thí nghiệm thám

- Trong quá trình khoan, đào thăm dò tiến hành công tác thí nghiệm thám gồm thí nghiệm mức - đổ nước trong hố khoan, thí nghiệm ép nước Lugeon.
- Thí nghiệm đổ nước trong hố khoan (đoạn khô) theo 2 phương pháp: Đối với đất đá có tính thấm cao dùng phương pháp thí nghiệm với đầu nước không đổi: giữ nguyên đầu nước trong suốt quá trình thí nghiệm. Đối với đất đá có tính thấm thấp dùng phương pháp thí nghiệm với đầu nước thay đổi: mực nước trong hố khoan được nâng cao đến một mức nhất định và sau đó xác định độ hạ thấp mực nước theo thời gian.
- Thí nghiệm mức nước trong hố khoan: Khi khoan tới mực nước dưới đất thì khoan tiếp 5÷10m nữa, tiến hành thí nghiệm mức nước và đo mực nước hồi phục hoàn toàn, xác định hệ số thấm. Trước và sau mỗi ca khoan yêu cầu đo và ghi mực nước vào sổ khoan.
- Tiến hành thí nghiệm ép nước trong các tầng đá cứng, bão hòa nước, trong đới khô đặt nút kín, ép nước theo phương pháp Lu-giông với các cấp áp lực (10, 30, 60, 30, 10) mét cột nước. Thời gian ép nước (đọc trên đồng hồ bấm giây) cho mỗi cấp áp lực trung bình từ 1,5-2

giờ. Thời gian đọc các chỉ số trên đồng hồ lưu lượng như sau: 15 phút đầu cứ 1 phút đọc ghi 1 lần, 2-3 phút đọc ghi 1 lần cho 30 phút kế tiếp, sau cùng cứ 5 phút đọc 1 lần cho đến khi có ít nhất 5 số đọc lưu lượng liên tục không thay đổi thì xem như đã đạt lưu lượng ổn định và kết thúc thí nghiệm. Chiều dài đoạn thí nghiệm $L = 5\text{m}$. Nếu đất đá có lượng mất nước đơn vị ở 2 đoạn ép liền nhau có $q < 0,01$ l/phút thì có thể tăng chiều dài đoạn ép sau lên 10m để giảm bớt chi phí và thời gian.

- Khi tiến hành thí nghiệm thâm cần đảm bảo rửa sạch mùn khoan trong hố, đảm bảo tính ổn định của lưu lượng, độ chính xác đo áp lực và đo mực nước. Trình tự thí nghiệm và tính toán ĐCTV có thể thực hiện theo quy trình “14TCN 83-2001”.

Lấy mẫu thí nghiệm và thí nghiệm trong phòng

Công tác lấy mẫu đất, đá, cát thí nghiệm tiến hành song song với công tác khoan đào, đo vẽ bản đồ địa chất công trình.

Các mẫu gồm:

- Mẫu nguyên dạng được lấy trong đất dính, kể cả đới phong hóa mảnh liệt và lấy trong hố đào. Khi lấy mẫu trong hố khoan phải sử dụng Gruntonov và hết sức chú ý khi đóng mẫu không được làm nén chặt mẫu. Trung bình đới có chiều dày lớn lấy 2-3 mẫu nguyên dạng.
- Mẫu nước phân tích hóa học để xác định tính ăn mòn bê tông.
- Mẫu thạch học phân tích lát mỏng.
- Mẫu cơ lý đá xác định các chỉ tiêu cơ lý.

Công tác lấy mẫu thực hiện theo chỉ dẫn: đất, đá, phương pháp lấy mẫu, vận chuyển và bảo quản (TCVN 2683-91)

Kết quả công tác này cho các bảng chỉ tiêu cơ lý đất đá, bảng các chỉ tiêu kiến nghị tính toán .v.v.

Công tác địa hình phục vụ địa chất

Ngoài các công tác khảo sát như đã trình bày ở trên, để phục vụ tốt cho nhiệm vụ khảo sát ĐCCT, các công tác phụ kèm theo bao gồm: Làm đường khảo sát, đèn bù hoa màu, vận chuyển thiết bị, nhân công, lán trại, chụp ảnh nồn khoan... Phải đo nổi cao toạ độ của tất cả các hố khoan.

Chụp ảnh nồn khoan

Để phục vụ công tác lưu trữ và chỉnh lý tài liệu các hố khoan được thuận tiện và chính xác. Toàn bộ mẫu nồn khoan các loại đều chụp ảnh màu rõ ràng cỡ 10 x 15, in thành bộ.

Công tác lập tài liệu hồ sơ địa chất

Công tác lập tài liệu khảo sát được tiến hành song song với công tác thực địa. Việc lập hồ sơ địa chất gồm thuyết minh ĐCCT và hồ sơ gốc địa chất theo

đúng nội dung và yêu cầu của tiêu chuẩn 14TCN 195-2006 và các quy trình quy phạm hiện hành.

Bảng khối lượng Khảo sát địa chất công trình phục vụ lập hồ sơ Nghiên cứu khả thi – Thiết kế cơ sở (Khảo sát luôn cả giai đoạn Thiết kế kỹ thuật và Bản vẽ thi công, khi triển khai giai đoạn sau không cần phải khoan khảo sát thêm nữa) của thủy điện Na Phát.

TT	Công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Đo vẽ bản đồ ĐCCT tỷ lệ 1:2000	Km ²	0,765
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I-III	m	75,00
3	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV- VI	m	75,00
4	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá VII - VIII	m	50,00
5	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IX - X	m	50,00
6	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m	75,00
7	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV-VI	m	75,00
8	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá VII -VIII	m	50,00
9	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IX - X	m	50,00



TT	Công việc	Đơn vị	Khối lượng
10	Thí nghiệm mức nước trong hố khoan công trình	lần	13
11	Thí nghiệm ép nước trong hố khoan công trình	đoạn	13
12	Thí nghiệm mẫu đất nguyên dạng	mẫu	3
13	Thí nghiệm mẫu nước toàn phần công trình	mẫu	3
14	Thí nghiệm mẫu cơ lý đá	mẫu	3
15	Thí nghiệm mẫu thạch học	mẫu	2
16	Vận chuyển máy giữa các hố khoan	Lần	13
17	Số hóa bản đồ	Tờ	10
18	In bản đồ	Tờ	60
19	In ảnh nôn khoan (x 9 bộ)	ảnh	200

3. THUYẾT NĂNG VÀ KINH TẾ NĂNG LƯỢNG TÍNH TOÁN THUYẾT NĂNG

Tài liệu cơ bản

Để phục vụ cho tính toán thuyết năng, thủy lợi - kinh tế năng lượng cần thu thập đầy đủ các tài liệu:

- Khí tượng thủy văn: Chuỗi dòng chảy năm, dòng chảy ngày đêm, dòng chảy lũ, bốc hơi, dòng chảy bùn cát, đường quan hệ $Q = f(H)$.
- Tài liệu địa hình & địa chất: Mặt cắt dọc, mặt cắt ngang sông, đường quan hệ dung tích hồ chứa $W = f(Z)$.
- Tài liệu thiết bị để chọn các phương án $N = f(Q, H)$ và đường quan hệ tổn thất cột nước và lưu lượng qua tuyến năng lượng $hw = f(QTĐ)$.
- Các tài liệu về dân sinh kinh tế khu vực và kế hoạch phát triển kinh tế tương lai của khu vực dự án.

Tính toán thuyết năng

- Tính toán thuyết năng xác định các thông số MNDBT/MNC
- Tính toán thuyết năng xác định Công suất lắp máy
- Tính toán thuyết năng cho phương án chọn.

TÍNH TOÁN KINH TẾ NĂNG LƯỢNG

Tính toán kinh tế năng lượng gồm các nội dung :

- Tính toán kinh tế, tài chính cho phương án chọn.

- Tính toán năng lượng, xác định chế độ làm việc của nhà máy thủy điện trong lưới điện địa phương.

Đánh giá tổng hợp phương án chọn, kết luận và kiến nghị về thông số của công trình: Mức nước dâng bình thường, mực nước chết, công suất lắp máy, sản lượng điện, các chỉ tiêu về kinh tế và tài chính của công trình, đánh giá hiệu quả của công trình.

4. THỦY CÔNG - THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ - TỔ CHỨC THI CÔNG CÔNG TRÌNH THỦY CÔNG

Quy mô công trình

Theo QCVN 04 - 05 : 2022/BNNPTNT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Công trình thủy lợi và theo Thông tư số: 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng, công trình thuộc cấp III.

Công trình có đặc điểm:

- Quy mô hồ chứa nhỏ, dòng chảy nhỏ
- Cột nước trung bình
- Nhà máy nhỏ

Tần suất thiết kế

Tương ứng với cấp công trình của tuyến đập hiện hữu, tần suất thiết kế và mức đảm bảo tính toán như sau:

- Tần suất lũ kiểm tra: $P = 0,5\%$
- Tần suất lũ thiết kế: $P = 1,5\%$

Các phương án quy mô công trình

So sánh lựa chọn công suất lắp máy : Trên cơ sở MNDBT, MNC, tuyến năng lượng đã chọn, tiến hành so chọn các công suất lắp máy khác nhau. Phương án nào cho chỉ tiêu kinh tế tốt nhất sẽ là phương án chọn.

Các phương án tuyến công trình

- Phương án tuyến đập
- Tuyến năng lượng: Kênh dẫn vào, cửa lấy nước, đường hầm, đường ống áp lực, nhà máy và kênh xả.
- Phương án tuyến chiron gom nước
- Xây dựng nhà máy thủy điện công suất khoảng 10MW, 02 tổ máy.

THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

Thiết bị cơ khí thủy lực.

- Tính toán lựa chọn theo các thiết bị của Trung Quốc, Ấn Độ trước đây, tham khảo thêm tài liệu thiết bị của các nước phát triển.



- Tính toán tuốc bin, máy phát, van trước tuốc bin
- Tính toán chọn chủng loại, kích thước, số tổ máy

Thiết bị cơ khí thủy công.

Bố trí thiết bị cơ khí thủy công của dự án gồm:

- Cửa van phẳng tại cửa lấy nước
- Cửa van phẳng tại công xả cát
- Cửa van phẳng tại hạ lưu nhà máy
- Tất cả các phương án khẩu diện cửa van được lấy phù hợp với các phương án của công trình thủy công.
- Cửa van công tác chọn loại cửa van phẳng bánh xe hoặc loại trượt, đóng mở trong dòng chảy. Kích thước phù hợp với bố trí công trình thủy công. Cửa van sửa chữa chọn loại cửa van kiểu phẳng trượt đóng mở trong trạng thái nước tĩnh. Lưới chắn rác kích thước phù hợp với kết cấu và đảm bảo tổn thất thủy lực nhỏ, thuận tiện trong vận hành như vớt rác .v.v.
- Nhà máy thủy điện: Cầu trục gian máy lựa chọn phù hợp với phương án số tổ máy. Cửa van sửa chữa ống xả chọn loại van kiểu phẳng trượt đóng mở trong trạng thái nước tĩnh. Số lượng và kích thước phù hợp với bố trí nhà máy.

Thiết bị điện.

Tính toán kích thước, chủng loại các thiết bị chính và thiết bị phụ trợ lấy theo các tài liệu về thiết bị của Trung Quốc, Ấn Độ trước đây, có tham khảo tài liệu của Liên Xô và các nước phát triển. Các nội dung sau đây sẽ được xem xét :

- Chọn cấp điện áp của nhà máy, cấp điện áp đường dây tải điện.
- Số lượng và tiết diện của đường dây xuất tuyến.
- Lựa chọn sơ đồ nối điện chính và tự dùng.
- Chọn phương án bảo vệ rơ le và tự động hoá.
- Bố trí thiết bị điện trong và ngoài nhà máy.
- Thuyết minh và lập bảng kê thiết bị

TỔ CHỨC THI CÔNG

Yêu cầu chung

- Các công tác về tổ chức xây dựng sẽ được tính toán theo các quy trình, quy phạm và hướng dẫn thiết kế hiện hành của Việt Nam
- Trong tính toán xem xét thêm các công tác thi công và thiết bị thi công tương tự đã sử dụng ở các công trình đã được xây dựng ở Việt Nam

- Xem xét các phương án giao thông trong và ngoài công trường

Dẫn dòng thi công

- Các công trình dẫn dòng thi công được xem xét phù hợp với đặc điểm tự nhiên, quy mô công trình và tiến độ thi công công trình.
- Tiến hành xem xét các phương án dẫn dòng thi công cho tuyến năng lượng. Đi sâu nghiên cứu các phương án dẫn dòng cho phương án chọn và tuyên kiến nghị.

Biện pháp thi công công trình chính

Tiến hành xem xét một số biện pháp thi công các công tác chính sau đây:

- Công tác đào đắp đất đá, cân bằng đào đắp đất đá
- Công tác thi công hầm
- Công tác thi công bê tông và bê tông cốt thép
- Công tác khai thác vật liệu xây dựng
- Công tác chuyên chở và lắp đặt thiết bị
- Tính toán nhu cầu vật tư, thiết bị phục vụ thi công

Tổng mặt bằng thi công

Bố trí tổng mặt bằng thi công bao gồm các nội dung chính như sau:

- Hệ thống điện, nước, thông tin liên lạc, cứu hoả, kho, bãi lán trại phục vụ thi công
- Các cơ sở phụ trợ phục vụ thi công
- Khu nhà ở của các đơn vị thi công và ban quản lý
- Hệ thống đường giao thông trong và ngoài công trường

Tổng tiến độ thi công

- Lập tổng tiến độ thi công, với các mốc quan trọng sau: Công tác chuẩn bị, khởi công, chạy tổ máy, hoàn thiện công trình .v.v.
- Tổng hợp toàn bộ nhân lực, vật tư, thiết bị, xe máy thi công cho công trình và phân vốn công trình.

0689
CÔNG TY
KIẾN
TRUYỀN
CÔNG
TRƯỜNG PH

LẬP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ – TỔNG DỰ TOÁN

Nội dung chi tiết lập tổng mức đầu tư

Sơ lược đặc điểm công trình

Giới thiệu sơ lược đặc điểm công trình như tên công trình, vị trí xây dựng công trình, công suất lắp máy của công trình; các hạng mục chính của công trình: công trình chính gồm những hạng mục công trình nào, công trình tạm gồm những hạng mục công trình nào, các công trình liên quan như đường dây, trạm biến áp, đường giao thông ngoài công trường.

Cơ sở lập tổng mức đầu tư (TMĐT)

Thời điểm lập TMĐT, khối lượng căn cứ vào hồ sơ, định mức đơn giá áp dụng, định mức đơn giá tham khảo, vận dụng, tỷ giá hối đoái giữa đồng đô la và đồng Việt Nam tại thời điểm lập tổng mức đầu tư. Một số biện pháp và sơ đồ thi công chính của công trình; các nguồn về vật liệu: vật liệu khai thác tại chỗ, sản xuất tại chỗ, vật liệu phải mua tại địa phương... như sắt thép, xi măng, thuốc nổ; Công tác tính bảng lương ngày công, công thức tính lương, công thức tính đơn giá tổng hợp; cơ sở tính toán các chi phí tư vấn, thẩm định, thiết kế, lập hồ sơ mời thầu ..., đơn giá đền bù đất, tái định canh...

Tổng mức đầu tư

Tổng hợp tổng mức đầu tư: bao gồm chi phí xây dựng công trình, chi phí thiết bị, chi phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác và chi phí dự phòng.

Tổng hợp chi phí xây dựng: chi phí xây dựng bao gồm cả chi phí chuẩn bị sản xuất, chi phí lán trại và chi phí xây dựng liên quan.

Tổng hợp chi phí thiết bị: gồm mua sắm thiết bị bao gồm cả chi phí vận chuyển bảo quản thiết bị từ cảng Việt Nam đến chân công trình và chi phí lắp đặt thiết bị.

Tổng hợp chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: gồm chi phí khảo sát, thiết kế, giám sát, chi phí thẩm tra...

Tổng hợp chi phí khác: các giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc đầu tư đưa dự án vào sử dụng.

Tổng hợp khối lượng xây lắp chính (gồm tổng hợp khối lượng xây dựng các hạng mục công trình chính, công trình tạm, thiết bị, đường thi công, đường vận hành...).

Phân vốn đầu tư theo năm xây dựng.

Các khái toán chi tiết

Bao gồm các khái toán chi tiết:

- Phân xây dựng: chi phí xây dựng các hạng mục công trình chính như: Kênh dẫn vào, Cửa nhận nước, Đường ống áp lực, Nhà máy thủy điện và Kênh xả.

- Công trình trình tạm: chi phí xây dựng các hạng mục đê quai, đường thi công
- Phân thiết bị: mua sắm thiết bị.
- Các khái toán chi phí khác: chi phí thiết kế, đền bù tái định cư, môi trường.

Đơn giá tổng hợp

Đơn giá tổng hợp: gồm toàn bộ các đơn giá được dùng để tính toán các khái toán của tổng mức đầu tư như: các đơn giá xây dựng, đơn giá thiết bị, đơn giá đường dây và trạm biến áp, đơn giá rà phá bom mìn.



NỘI DUNG VÀ BIÊN CHẾ HỒ SƠ

Biên chế hồ sơ giai đoạn Nghiên cứu khả thi - Thiết kế cơ sở

Báo cáo tóm tắt

Tập 1 - Thuyết minh chung

Tập 2 - Khí tượng thủy văn

Tập 3 - Thủy năng và kinh tế năng lượng

Tập 4 - Phụ lục tính toán

Tập 5 - Tổng mức đầu tư

Tập 6 - Thuyết minh Thiết kế cơ sở

Tập 7 - Các bản vẽ TKCS

Báo cáo khảo sát địa hình

Quyển 1 - Báo cáo khảo sát địa hình

Quyển 2 - Bình đồ và mặt cắt địa hình

Báo cáo khảo sát địa chất

Quyển 1 - Điều kiện địa chất công trình

Quyển 1 - Bản vẽ địa chất công trình

Quyển 1 - Các phụ lục địa chất

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Tổ chức lập hồ sơ khảo sát thiết kế

Công tác tư vấn được tổ chức theo các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật và tiến độ.
- Sử dụng các cán bộ có kinh nghiệm thuộc biên chế chính thức của công ty trong các chức năng tư vấn.
- Các bộ môn có tính phức tạp như: địa chất, thủy công, tổ chức thi công, cơ điện đều có các chuyên gia cao cấp làm cố vấn;
- Số lượng tài liệu xuất bản
- Số lượng tài liệu xuất bản các bước của dự án được thực hiện tuân thủ theo đúng nội dung hợp đồng ký kết với chủ đầu tư.
- Tiến độ thực hiện và địa điểm giao nộp tài liệu
- Tiến độ thực hiện các bước của dự án được tuân thủ theo đúng nội dung hợp đồng ký kết với chủ đầu tư.

Số lượng tài liệu xuất bản

Số lượng tài liệu xuất bản của các bước của dự án được thực hiện tuân thủ theo đúng nội dung hợp đồng ký kết với chủ đầu tư.

Tiến độ thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.

5. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư hỗ trợ tối đa việc cung cấp các tài liệu liên quan, hướng dẫn Nhà thầu khảo sát hiện trường ... tạo điều kiện tốt nhất để Nhà thầu thực hiện các nội dung công việc trong gói thầu.

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ tư vấn. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p>

	<p>c) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;</p> <p>d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) E-ĐKCT;</p> <p>e) E-ĐKC;</p> <p>g) E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu;</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố</p>



		<p>và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
5.	Bản quyền	<p>5.1. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.2. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p>
6.	Bảo hiểm	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
7.	Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT .
8.	Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9.	Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10.	Thanh toán	Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
11.	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12.	Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT .
13.	Sửa đổi	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải

<p>hợp đồng</p>	<p>thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
<p>14. Nhân sự</p>	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSĐT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự</p>

0106
 .ÔNG
 Ồ PH
 ỦY Đ
 ÁN Đ
 7. 81

	<p>trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu.</p>
<p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</p>	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <p>a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;</p> <p>b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;</p> <p>c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);</p> <p>d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này.</p> <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <p>a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;</p> <p>b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;</p> <p>c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có);</p> <p>d) Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;</p> <p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng.</p>
<p>16. Nhà thầu phụ</p>	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện</p>

	<p>một phần công việc nêu trong E-HSĐT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSĐT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại</p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>18. Tạm dừng hợp đồng</p>	<p>Chủ đầu tư có thể tạm dừng các khoản thanh toán cho Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu tư vấn nhận được thông báo tạm dừng.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>



	<p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư</p>	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>21. Trường hợp bất khả kháng</p>	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự</p>

	<p>kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:</p> <p>(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc</p> <p>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.</p>
22. Giải quyết tranh chấp	<p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p>
23. Thông báo	<p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>



Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Dự án thủy điện Na Phát, địa chỉ: xã Xa Dung, xã Na Son, Tỉnh Điện Biên
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: _____ <i>[Ghi các tài liệu khác, nếu có]</i>
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
E-ĐKC 10	- Phương thức thanh toán: _____ - Số lần thanh toán: 01 lần ngay sau khi Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn nhận được đầy đủ các hồ sơ thanh toán gồm: - Chứng từ yêu cầu thanh toán bao gồm: + Giấy đề nghị thanh toán của Bên B; + Hoá đơn bán hàng GTGT theo quy định của Bộ Tài chính. + Báo cáo khảo sát, nghiên cứu khả thi; + Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ hợp lệ theo yêu cầu của Bên chủ đầu tư.
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: <i>Áp dụng</i> . - Thời hạn bảo hành là: 03 năm. - Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Trụ sở chủ đầu tư.

	<p>- Trường hợp phát hiện lỗi, khiếm khuyết của sản phẩm dịch vụ, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các lỗi, khiếm khuyết đó.</p> <p>- Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc sản phẩm dịch vụ có lỗi, khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa, khắc phục trong thời hạn 03 ngày và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, khắc phục.</p> <p>- Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, khắc phục trong thời hạn quy định tại hợp đồng, việc phạt, bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định tại Mục 17.</p>
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 3 tháng
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 01 ngày
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật]
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 01 ngày.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT].
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : _____ [Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].
E-ĐKC 17	<p>- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức : 1% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá : 350.000.000 VND. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ</p>



	<p>ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</p>
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSĐT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Khi Chủ đầu tư vi phạm thì nhà thầu có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng.
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: 10 ngày
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: _____</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p>

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, Chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong E-ĐKCT cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.

8010
CỘNG
HÒA
HỮU
ẢNH
12.7.8

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN
(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ¹ _____ [Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội];

- Căn cứ¹ _____ [Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư _____ [Ghi tên Chủ đầu tư]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu

Tên nhà thầu _____ [Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

¹ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau :

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu”.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
6. E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn;
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;
8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.
2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán



1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán nêu tại Mục 10 E-ĐKCT

Điều 6. Loại hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

[Nêu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ [trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT] giá hợp đồng.

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.11 E-ĐKCT].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, Chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu
- Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu
- Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.



HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

(Áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ¹ _____ [Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội];

- Căn cứ¹ _____ [Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư _____ [Ghi tên Chủ đầu tư]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu

Tên nhà thầu _____ [Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

¹ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau :

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu”.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, dự toán kinh phí, danh sách nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
6. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;
7. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục B “Dự toán kinh phí, danh sách nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự, dự toán kinh phí được liệt kê tại Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.
2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán



1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là [Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán] cho các khoản chi thực tế hoặc khoán gọn¹ dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và phôtô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được Chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

2. Thời hạn và phương thức thanh toán

Thanh toán theo thời hạn và phương thức thanh toán nêu tại Mục 10 E-ĐKCT.

Điều 6. Bảng chấm công

Trong quá trình làm việc, kể cả đi công tác, Chủ đầu tư điền vào bảng chấm công hoặc giấy tờ hợp lệ khác để xác định thời gian làm việc của nhà thầu.

Điều 7. Loại hợp đồng:

Hợp đồng này áp dụng loại hợp đồng theo thời gian.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng

[Nêu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 9. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ [trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT] giá hợp đồng.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.11 E-ĐKCT].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, Chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

¹ Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu
- Phụ lục B: Dự toán kinh phí, danh sách nhân sự của nhà thầu
- Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu
- Phụ lục D: Bảng giá Hợp đồng (bao gồm cả thù lao chuyên gia và chi phí khác cho chuyên gia)

101
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN BANG
VIỆT NAM
P. 7.

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

(Áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ¹ [Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội];

- Căn cứ¹ _____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư _____ [Ghi tên Chủ đầu tư]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu

Tên nhà thầu _____ [Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

¹ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau :

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu”.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
6. E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn;
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;
8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.
2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1688
G TY
H AN
DI E
DO
HINH

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán nêu tại Mục 10 E-ĐKCT

Điều 6. Loại hợp đồng

[ghi loại hợp đồng theo quy định tại Mục 7 E-ĐKC]

Điều 7. Trượt giá hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng

1. Trượt giá hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Mục 8 E-ĐKC.
2. Điều chỉnh hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Mục 13 E-ĐKC.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng

[Nêu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 9. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ [trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT] giá hợp đồng.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.11 E-ĐKCT].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, Chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu
- Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu
- Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.
- Phụ lục D: Bảng giá Hợp đồng



THƯ CHẤP THUẬN E-HSMT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSMT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu _____ [ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSMT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu.] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng];

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm ____ [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng, trong đó phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi thương thảo hợp đồng, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của



nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có), ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.